

Cệngchǎfǎ

Jīng jén "orthography" s̄r jě.¹⁾

Khòngkế

- tũan cũ vs. tũancũ
- Tháipěi S̄r? Tháipěis̄r?

"tẹ"

(jì s̄ryòng yǔ chíthā Hànyǔ tẹ thóngtặng chǎ ẹ, kē...)

- s̄ngzóngchǎ wěi, zệngchệng s̄uojǒukẹ wěi: ch̄ngs̄iàng yǔ chǎkàn líens̄e hǎutẹ, wǒtẹ
- tũan cũ / phienyǔ wěi: s̄zhū pùtẹ pù túlì chệng chǎ

Líenc̄hàu

- Síkùan tẹ cíehéyǔ, phienyǔ:
 - pù-tẹ-pù? pùtẹ pù?
 - Jíwệncũ: jàu-pújàu? jàupújàu?
 - cō-m-tẹt
- Tíec̄chǎ: **ch̄ngs̄iàng pú yòng!** ẹhángcháng, cīapcīap²⁾

Kéjīnfú

- **V|CCV**: lophēt? lọ·phēt?

¹⁾

英言□orthography□是也。

²⁾

輒輒

From:

<http://ciangbrides.myds.me/dw/!abcdori.ga/> - **Abecedarium Orientale**

Permanent link:

<http://ciangbrides.myds.me/dw/!abcdori.ga/orthography?rev=1518853167>



Last update: **2018/02/17 15:39**